**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**

**MÔN: TIẾNG ANH 10 (BRIGHT) – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kỹ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kỹ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong khoảng 1.5 phút (khoảng 160 – 180 từ) để chọn đáp án đúng/ sai *(True/False),* liên quan đến các chủ đề Round the clock, Entertainment | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 160 – 180 từ), chọn đáp án đúng A, B, C *(MCQs ),*có liên quan đến các chủ đề Round the clock, Entertainment | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp về thái độ, tình cảm, quan điểm trong bài.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **LANGUAGE** | **1. Pronunciation**  Các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu.  *(MCQs hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nhận biết các âm và trọng âm thông qua các từ vựng theo chủ đề đã học: **/s/ - /z/** | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các âm trong phần nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng vào bài nghe/nói. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Vocabulary**  Từ vựng đã học theo chủ điểm.  - Classroom languages  - Household chores  - Free-time activities  - Entertainment activities  - Types of performances | **Nhận biết:**  - Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.  - Hiểu các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) trong các kỹ năng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Grammar**  Các chủ điểm ngữ pháp đã học.  - Present simple  - Present continuous  - Past simple  - Past continuous  -Gerund : like, don’t like, hate | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt các kiến thức trong chủ điểm ngữ pháp đã học. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng kiến thức ngữ pháp đã học vào bài nghe/ nói/ đọc/ viết. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **READING** | **1. Reading Comprehension**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 200-230 từ về các chủ điểm:  *Round the clock, Entertainment*  *(Cloze test MCQs)* | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản.  + adverbs of frequency | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Reading comprehension**  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 200-230 từ, xoay quanh các chủ điểm:  *Round the clock, Entertainment*  *(MCQs )* | **Nhận biết:**  - Thông tin chi tiết | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu ý chính của bài đọc và chọn câu trả lời phù hợp.  - Hiểu được nghĩa tham chiếu.  - Loại trừ các chi tiết để đưa ra câu trả lời phù hợp |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  - Hiều, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **IV.** | **WRITING** | **1. Guided**  - Sắp xếp các từ đã cho thành câu có nghĩa  - Viết lại câu đồng nghĩa với câu đã cho  *+ Tenses: Simple present, present continuous, simple past and past continuous*  *+ Gerund: Like, love, hate*  + *Adverbs of frequency*  *+ Wh- question* | **Vận dụng:**  - Hiểu được cấu trúc để sắp xếp từ thành câu có nghĩa.  - Hiểu câu gốc và sử dụng từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi. |  |  |  |  |  | 6 |  |  |  | 6 |
| **2. Freer/Free**  Viết 1 paragraph chủ đề: *Daily routines* | **Vận dụng cao:**  – Viết đoạn văn liền mạch, đơn giản khoảng 100 – 120 từ về các hoạt động hàng ngày của cá nhân. |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |
| ***Tổng*** | |  |  | ***16*** |  | ***12*** |  | ***2*** | ***6*** |  | **1** | **30** | **7** |